|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TỔNG CỤC THỐNG KÊ**CỤC THỐNG KÊ QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Quảng Bình, ngày 29 tháng 12 năm 2022* |  |  |

**THÔNG CÁO BÁO CHÍ**

**Tình hình kinh tế** - **xã hội năm 2022**

**I. NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG NĂM 2022**

Năm 2022, Quảng Bình triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) trong bối cảnh có nhiều cơ hội và khó khăn, thách thức đan xen. Tình hình thế giới biến động rất nhanh và phức tạp, xung đột quân sự Nga - Ukraine kéo dài, lạm phát tăng cao và hậu quả của dịch COVID-19 dẫn đến suy giảm tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Trong nước, giá nguyên, nhiên, vật liệu biến động mạnh tác động tiêu cực đến hầu hết các ngành kinh tế, lãi suất huy động tăng làm doanh nghiệp khó tiếp cận nguồn vốn, số đơn hàng sụt giảm, thị trường bất động sản trầm lắng,… Trong tỉnh, quý I/2022 dịch COVID-19 diễn biến phức tạp; giá xăng, dầu, vật liệu xây dựng tăng cao ảnh hưởng đến nhiều ngành kinh tế; sau hơn 2 năm xảy ra dịch COVID-19, một số ngành thiếu lao động cục bộ; giá nhiều mặt hàng tăng cao ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của Nhân dân; dịch tả lợn châu Phi chưa được khống chế triệt để,… Bên cạnh những khó khăn, có những thuận lợi: Nhờ tỷ lệ bao phủ vắc xin phòng COVID-19 cao nên từ tháng 4/2022 đến nay các hoạt động KT-XH trở lại bình thường; ngành du lịch phục hồi nhanh kéo theo nhiều ngành nghề liên quan tăng trưởng cao; gần đây giá xăng, sắt thép giảm mạnh nên giảm áp lực về chi phí đầu vào của các cơ sở sản xuất kinh doanh; nhiều chính sách hỗ trợ khôi phục sản xuất, kinh doanh, duy trì việc làm, bảo đảm an sinh xã hội đối với người lao động và người sử dụng lao động được triển khai thực hiện; Chính phủ tiếp tục kiên định mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát nên kinh tế cả nước nói chung và Quảng Bình nói riêng phát triển khá cao.

Xác định năm 2022 là năm hết sức quan trọng, là năm thứ hai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII và Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025, sự phục hồi và phát triển KT-XH năm 2022 sẽ tạo đà cho sự tăng trưởng trong những năm tiếp theo, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành triển khai đồng bộ những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, trong đó chú trọng các giải pháp phục hồi, phát triển KT-XH theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ. Nhờ đó, KT-XH năm 2022 của tỉnh đạt được những kết quả tích cực: Dịch COVID-19 cơ bản được kiểm soát; tăng trưởng kinh tế đạt khá cao; sản xuất công nghiệp khởi sắc; du lịch phục hồi nhanh; thu ngân sách tăng cao; thu hút đầu tư đạt khá; các giải pháp cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh được triển khai tích cực và quyết liệt, an sinh xã hội, đời sống của Nhân dân được quan tâm và tiếp tục được cải thiện, an ninh trật tự được đảm bảo.

*Một số chỉ tiêu chủ yếu ước tính thực hiện năm 2022:*

1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) đạt 7,96% (Nghị quyết HĐND tăng 6,0 - 6,5%, năm 2021 tăng 4,83%); trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thuỷ sản tăng 2,54%, khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 11,41% (trong đó: Công nghiệp tăng 14,58%, xây dựng tăng 8,79%), khu vực dịch vụ tăng 8,57%;

2. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thuỷ sản tăng 2,48% (Nghị quyết HĐND tăng 3,5 - 4,0%, năm 2021 tăng 3,41%);

3. Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng tăng 10,77%; trong đó: Công nghiệp tăng 12,0% (Nghị quyết HĐND tăng 9 - 9,5%, năm 2021 tăng 6,49%), xây dựng tăng 9,45%;

4. Giá trị sản xuất dịch vụ tăng 9,34% (Nghị quyết HĐND tăng 6 - 6,5%, năm 2021 tăng 4,11%);

5. Cơ cấu GRDP: Khu vực nông, lâm nghiệp và thuỷ sản chiếm 20,09%; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 30,38% (bao gồm cả thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm); khu vực dịch vụ chiếm 49,53% (Nghị quyết HĐND: Nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 20,9%; công nghiệp - xây dựng chiếm 30,1%; dịch vụ chiếm 49,0%);

6. Thu ngân sách trên địa bàn đạt hơn 8.000 tỷ đồng (Nghị quyết HĐND 6.000 tỷ đồng);

7. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 26.933,9 tỷ đồng (Nghị quyết HĐND 26.000 tỷ đồng);

8. GRDP bình quân đầu người đạt 54,8 triệu đồng (Nghị quyết HĐND 52 - 53 triệu đồng);

9. Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 69,5% (89/128 xã) (Nghị quyết HĐND 73%);

10. Giải quyết việc làm cho 21.000 lao động (Nghị quyết HĐND 18.000 lao động);

11. Tỷ lệ hộ nghèo giảm 1,5% so với năm 2021 (Nghị quyết HĐND giảm 1,5 - 1,8%);

12. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 46% (Nghị quyết HĐND đạt 56%);

13. Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế 98,7% (Nghị quyết HĐND trên 91%) (theo chuẩn mới);

14. Số giường bệnh bình quân trên 1 vạn dân đạt 36 giường (Nghị quyết HĐND 36 giường);

15. Tỷ lệ dân số tham gia BHYT đạt 91% (Nghị quyết HĐND 91%);

16. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 67,7% (Nghị quyết HĐND 67,5%); trong đó lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 28,6% (Nghị quyết HĐND 28,2%);

17. Tỷ lệ dân số thành thị được sử dụng nước sạch đạt 97,2% (Nghị quyết HĐND 97,2%);

18. Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước sạch và hợp vệ sinh đạt 98% (Nghị quyết HĐND 98%);

19. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 68,59% (Nghị quyết HĐND 68%);

20. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đạt 79,52% (Nghị quyết HĐND 79%); Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 100% (Nghị quyết HĐND 100%).

**II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VỀ CÁC LĨNH VỰC**

**1. Về tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP)**

Ước tính tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2022 (theo giá so sánh năm 2010) đạt 27.720,2 tỷ đồng, tăng 7,96% so với năm 2021. Trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,54%, đóng góp 6,18%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 11,41%, đóng góp 37,56% (trong đó: công nghiệp tăng 14,58%; xây dựng tăng 8,79%); khu vực dịch vụ tăng 8,57%, đóng góp 54,66%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 3,53%, đóng góp 1,60% vào mức tăng trưởng chung của tỉnh.

Quy mô GRDP năm 2022 (theo giá hiện hành) đạt 50.116,5 tỷ đồng; GRDP bình quân đầu người đạt 54,8 triệu đồng.

Cơ cấu GRDP: Khu vực nông, lâm nghiệp và thuỷ sản chiếm 20,09%, giảm 1,32 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 30,38% (bao gồm cả thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm), tăng 1,33 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ chiếm 49,53%, giảm 0,01 điểm phần trăm so với năm 2021.

Tăng trưởng GRDP năm 2022 của tỉnh đạt 7,96% là kết quả tích cực. Trong 3 khu vực của nền kinh tế, chỉ có khu vực nông, lâm nghiệp và thuỷ sản đạt tốc độ tăng trưởng thấp hơn so với năm 2021.

*Khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản:* Sản xuất nông, lâm nghiệp và thuỷ sản năm 2022 gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của thời tiết, dịch bệnh và các yếu tố chi phí đầu vào tăng cao, năng suất lúa giảm so với năm trước, do đó sản lượng lương thực năm 2022 và sản lượng một số cây trồng giảm mạnh so với năm trước. Đối với sản xuất thuỷ sản, do giá xăng, dầu tăng cao, hiệu quả khai thác thấp nên có những thời điểm nhiều tàu đánh bắt nằm bờ. Đó là những nguyên nhân cơ bản làm tăng trưởng của khu vực nông, lâm nghiệp và thuỷ sản đạt thấp, năm 2022 ước tính tăng 2,54% so với tốc độ tăng của năm 2021.

*Khu vực công nghiệp - xây dựng:* Sản xuất công nghiệp năm 2022 đạt tốc độ tăng trưởng ấn tượng, nhờ kinh tế thế giới và trong nước phục hồi nhanh, doanh nghiệp có nhiều đơn hàng để sản xuất. Bên cạnh đó, Cụm trang trại điện gió B&T hoạt động ổn định, cùng với thủy điện và điện mặt trời đạt sản lượng khá đã góp phần thúc đẩy ngành công nghiệp tăng cao. Ngành xây dựng, năm 2022 với nhiều dự án/công trình lớn được triển khai thực hiện; các dự án phát triển khu nghỉ dưỡng, khu nhà ở thương mại, khu đô thị trên địa bàn tỉnh cũng đang tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thi công,... nên đạt tốc độ tăng trưởng khá cao. Tính chung khu vực công nghiệp - xây dựng năm 2022 ước tính tăng 11,41% so với năm 2021.

*Khu vực dịch vụ:* Với nhiều giải pháp đồng bộ, năm 2022 ghi nhận sự phục hồi mạnh mẽ của ngành du lịch. Lượng khách quốc tế, trong nước và doanh thu lữ hành, dịch vụ du lịch tăng cao. Ngành du lịch phục hồi nhanh, nhờ đó các ngành dịch vụ liên quan như: Thương mại, dịch vụ lưu trú, ăn uống, vận tải, các dịch vụ vui chơi, giải trí,... tăng trưởng mạnh. Khu vực dịch vụ năm 2022 ước tính tăng 8,57% so với năm 2021.

**2. Về sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản**

Năm 2022, sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản gặp một số khó khăn do ảnh hưởng của thời tiết, giá vật tư, phân bón tăng cao, diện tích gieo trồng giảm, sản phẩm chăn nuôi tiêu thụ khó khăn; khai thác thuỷ sản ảnh hưởng bởi giá nhiên liệu tăng cao, hiệu quả thấp,... nhưng nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành tích cực, kịp thời của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và sự phối hợp đồng bộ, hiệu quả của các cấp, các ngành, các địa phương đã nỗ lực khắc phục khó khăn, triển khai các giải pháp thúc đẩy sản xuất phát triển. Ước tính giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2022 (theo giá so sánh năm 2010) tăng 2,48% so với năm trước. Trong đó: Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp tăng 1,05%; giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp tăng 2,54%; giá trị sản xuất ngành thủy sản tăng 5,52%.

***a) Nông nghiệp***

***- Trồng trọt***

+ Sản xuất cây hàng năm

Triển khai sản xuất cây hàng năm trong điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi, công tác gieo trồng các loại cây đều đảm bảo tiến độ và đúng lịch thời vụ; các giống lúa được đáp ứng đầy đủ, có chất lượng cao; công tác tưới, tiêu nước chủ động, điều tiết hợp lý, phục vụ tốt cho sản xuất. Tuy nhiên, sản xuất Vụ Đông Xuân 2022, vào cuối vụ xuất hiện mưa trái mùa, nhiều diện tích lúa và hoa màu bị ngập lụt, gãy đổ,... đã ảnh hưởng đến năng suất cây trồng.

*Diện tích gieo trồng cây hàng năm*:

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm 83.912,7 ha, giảm 1,6% so với năm trước. Cụ thể: Cây lúa 53.002,4 ha, giảm 1,2%; cây ngô 4.532,9 ha, giảm 3,9%; khoai lang 2.999 ha, bằng năm trước; sắn 6.326,4 ha, giảm 3,8%; lạc 3.978 ha, giảm 4,2%; rau các loại 6.104,6 ha, tăng 0,8%;…

*Năng suất gieo trồng một số cây trồng hàng năm:*

Cây lúa đạt 50,99 tạ/ha, giảm 6,6%; cây ngô đạt 59,07 tạ/ha, giảm 3,4%; khoai lang đạt 77,51 tạ/ha, giảm 1,8%; sắn đạt 193,08 tạ/ha, tăng 3,7%; lạc đạt 23,77 tạ/ha, giảm 2,5%; rau các loại đạt 94,37 tạ/ha, giảm 9,3%; đậu các loại đạt 9,14 tạ/ha, tăng 12,6% so với năm trước.

*Sản lượng một số cây trồng hàng năm chủ yếu:*

Sản lượng lương thực năm 2022 đạt 297.252,9 tấn, giảm 7,7% so với năm trước. Trong đó: Sản lượng lúa đạt 270.259,1 tấn, giảm 7,8%; cây ngô đạt 26.777,8 tấn, giảm 7,1%; sản lượng kê đạt 216 tấn, giảm 22,8%. Sản lượng một số cây trồng khác: Khoai lang đạt 23.245,1 tấn, giảm 1,8%; sắn đạt 122.150 tấn, tăng 1,4%; lạc đạt 9.455 tấn, giảm 6,6%; rau các loại đạt 57.607,6 tấn, giảm 8,5%;...

*+ Sản xuất cây lâu năm*

Thời tiết năm nay thuận lợi cho sự sinh trưởng và phát triển của các loại cây lâu năm. Các địa phương tập trung phát triển và chăm sóc, đồng thời triển khai chuyển đổi một số cây kém hiệu quả sang trồng mới một số cây có hiệu quả, mang lại giá trị kinh tế cao. Một số cây trồng đang chú trọng từng bước hình thành vùng trồng tập trung theo mô hình trang trại và gia trại như: Cao su, hồ tiêu, ổi, chuối, cam, chanh,...

Diện tích cây lâu năm thực hiện 18.294,2 ha, tăng 2,7% so với năm trước. Diện tích một số cây lâu năm chủ yếu: Cây cao su 12.450 ha, tăng 3,1%; cây hồ tiêu 1.150,0 ha, tăng 3,8%; cây cam 319,8 ha, tăng 0,3%; cây chuối 1.695 ha, tăng 1,8%;...

Sản lượng nhiều loại cây tăng khá so với năm trước, cụ thể: Cây cao su 6.170 tấn, tăng 3,3%; cây hồ tiêu 1.100 tấn, tăng 4%; cây cam 1.150 tấn, tăng 3,9%; cây chuối 15.600 tấn, tăng 4,4%;...

***- Chăn nuôi***

Sản xuất chăn nuôi trong năm 2022 cơ bản ổn định và tiếp tục phát triển khá so với năm trước cả về số lượng đàn cũng như sản lượng thịt hơi xuất chuồng. Sau thời gian dài bị ảnh hưởng dịch tả lợn châu Phi, hiện nay chăn nuôi lợn đang có xu hướng ổn định và phát triển, các hộ chăn nuôi yên tâm bỏ vốn tái đầu tư, tái đàn nhằm tạo nguồn cung ứng thịt phục vụ trong dịp Tết Nguyên đán sắp tới. Theo đó, sản lượng thịt hơi xuất chuồng tăng khá so với năm trước.

Ước tính sản lượng thịt hơi xuất chuồng năm 2022 đạt 79.333 tấn, tăng 8,6% so với năm trước. Trong đó: Thịt trâu 1.943,2 tấn, tăng 1,6%; thịt bò 9.772,5 tấn, tăng 5,1%; thịt lợn 43.251 tấn, tăng 11%; thịt gia cầm 24.366,3 tấn, tăng 6,5% (riêng thịt gà 20.406 tấn, tăng 6,5%).

***b) Lâm nghiệp***

Sản xuất lâm nghiệp được duy trì và phát triển khá ổn định. Sản lượng gỗ và các loại lâm sản khác khai thác cơ bản đúng tiến độ, được kiểm soát chặt chẽ. Công tác trồng rừng, chăm sóc được triển khai đúng kế hoạch. Công tác quản lý, bảo vệ rừng được quan tâm đẩy mạnh nên hạn chế tối đa thiệt hại rừng.

Ước tính thực hiện một số chỉ tiêu lâm nghiệp năm 2022: Sản lượng gỗ khai thác 590.706 m3, tăng 3,4%; sản lượng củi khai thác 345.050 ste, tăng 2,8%; diện tích rừng trồng mới tập trung 9.104,4 ha, tăng 2,5% so với năm trước.

Trong năm 2022, đã xảy ra 02 vụ cháy rừng trồng ở huyện Lệ Thuỷ, giảm 04 vụ so với năm trước, trong đó diện tích rừng bị cháy 3,27 ha; xảy ra 01 vụ phá rừng trên cát tại khu vực Bàu Sen, xã Sen Thuỷ, diện tích khoảng 12 ha.

***c) Thủy sản***

Sản xuất thuỷ sản năm 2022 diễn ra trong điều kiện tình hình COVID-19 cơ bản được kiểm soát tốt; thời tiết tương đối thuận lợi, không xảy ra dịch bệnh trên các con nuôi; các phương tiện khai thác được ngư dân đầu tư đóng mới, nâng cấp, đảm bảo cho việc vươn khơi, đánh bắt dài ngày. Tuy nhiên, do giá xăng dầu tăng cao, hiệu quả khai thác thấp hoặc thua lỗ nên nhiều tàu khai thác nằm bờ, ảnh hưởng đến sản lượng khai thác.

Sản lượng thuỷ sản năm 2022 ước đạt 93.151,9 tấn, tăng 4,6% so với năm trước. Chia ra: Sản lượng khai thác ước đạt 80.160,9 tấn, tăng 5,1% so với năm trước; sản lượng nuôi trồng thu hoạch ước đạt 12.991,0 tấn, tăng 1,7% so với năm trước.

**3. Về sản xuất công nghiệp**

Năm 2022, các doanh nghiệp đã dần thích ứng với trạng thái “bình thường mới” để phát triển sản xuất; nhiều chính sách, giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, ổn định sản xuất kinh doanh; một số lĩnh vực tăng trưởng khá nhờ nhiều doanh nghiệp chủ động được đơn hàng từ đầu năm; các doanh nghiệp còn đầu tư mở rộng thêm dây chuyền nhằm nâng sản lượng sản xuất; Cụm trang trại điện gió B&T hoạt động ổn định đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng ngành công nghiệp. Tuy nhiên, trong những tháng cuối năm, đơn hàng một số ngành sụt giảm, đặc biệt với các ngành dệt may, chế biến gỗ, sản xuất xi măng,... một số doanh nghiệp đã phải cắt giảm nhân công, thu hẹp quy mô sản xuất.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) năm 2022 tăng 13,7% so với năm 2021. Trong đó: Ngành khai khoáng tăng 14,0%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,8%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 70,5%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 16,9%.

Ước tính năm 2022, giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng 12,0% so với năm 2021. Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu sản xuất trong năm 2022: Quặng titan đạt 66,0 nghìn tấn, tăng 16,7%; đá xây dựng đạt 3,4 triệu m3, tăng 3,1%; cao lanh đạt 78,0 nghìn tấn, tăng 39,9%; thủy hải sản chế biến các loại đạt 24,6 nghìn tấn, tăng 28,2%; tinh bột sắn đạt 14,4 nghìn tấn, giảm 20,0%; bia đóng chai đạt 2,0 triệu lít, giảm 25,4%; áo quần các loại (trừ áo sơ mi người lớn) đạt 5,9 triệu cái, tăng 15,7%; áo sơ mi đạt 13,4 triệu cái, tăng 34,0%; dăm gỗ đạt 493,9 nghìn tấn, tăng 59,2%; ván ép từ gỗ đạt 89,3 nghìn m3, tăng 1,6%; clinker thành phẩm đạt 3,1 triệu tấn, giảm 13,8%; xi măng đạt 1,5 triệu tấn, giảm 14,5%; điện gió đạt 440,8 triệu kwh, tăng 451%; điện mặt trời đạt 103,7 triệu kwh, tăng 11,5%; điện thương phẩm đạt 1.114 triệu kwh, tăng 7,5%.

**4. Về hoạt động của doanh nghiệp**

Tính đến thời điểm 31/12/2021, toàn tỉnh có 4.395 doanh nghiệp (bao gồm HTX) đang thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong năm 2022, tình hình đăng ký doanh nghiệp có những tín hiệu tích cực. Tính đến ngày 15/12/2022, tổng số doanh nghiệp thành lập mới là 769 doanh nghiệp, tăng 2,5% so với cùng thời điểm năm trước; số vốn đăng ký đạt 11.980 tỷ đồng, tăng 11,8%; số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động là 207 doanh nghiệp, bằng cùng kỳ năm trước; tổng số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 33 doanh nghiệp, tăng 0,3%; số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể là 41 doanh nghiệp, tăng 32,3%.

Tuy nhiên, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đang còn gặp nhiều khó khăn do chi phí sản xuất tăng cao, tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng, gián đoạn nguồn cung nguyên vật liệu ảnh hưởng đến sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

5. Về hoạt động thương mại, dịch vụ

Năm 2022, dịch COVID-19 cơ bản được kiểm soát, chính sách phục hồi và phát triển KT-XH đã phát huy hiệu quả, cuộc sống của người dân trở lại trạng thái bình thường, các hoạt động sản xuất kinh doanh dần lấy lại đà tăng trưởng. Thương mại, dịch vụ sôi động, phục hồi và tăng trưởng nhanh ở tất cả các ngành. Ước tính năm 2022, giá trị sản xuất ngành dịch vụ tăng 9,34% so với năm trước.

 ***- Tổng mức bán lẻ hàng hóa***

Hoạt động lưu thông hàng hóa, kết nối cung cầu tiếp tục được mở rộng trên nhiều địa bàn và đa dạng chủng loại hàng hóa, nhu cầu dịch vụ du lịch, vui chơi, giải trí tăng trở lại, sức mua hồi phục đã tác động làm cho tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng cao so với năm trước.

Ước tính năm 2022, tổng mức bán lẻ hàng hoá đạt 48.323,7 tỷ đồng, tăng 14,4% so với năm 2021 (nếu loại trừ yếu tố giá, tăng 10,8%). Trong đó, hầu hết các nhóm hàng hóa đều tăng cao trên 10,0%, riêng nhóm xăng, dầu các loại, do ảnh hưởng của giá nhiêu liệu trên thế giới, có mức tăng cao nhất (+35,7%), từ đó tác động đến các nhóm hàng hóa liên quan tăng theo như: Nhóm lương thực, thực phẩm tăng 9,6%; nhóm gỗ và vật liệu xây dựng tăng 13,5%; nhóm hàng may mặc tăng 13,5%; nhóm đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 13,2%.

***- Hoạt động lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành***

Sau hơn 2 năm chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch COVID-19, Quảng Bình đã và đang tích cực chủ động bắt nhịp đón đầu xu hướng, thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nhằm đưa ngành du lịch phục hồi, phát triển trong điều kiện mới. Hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành năm 2022 phục hồi nhanh và mạnh mẽ với tốc độ tăng cao so với năm trước.

*Dịch vụ lưu trú:* Doanh thu lưu trú năm 2022 ước đạt 447,5 tỷ đồng, gấp 5 lần so với năm 2021. Số lượt khách lưu trú năm 2022 đạt 1,3 triệu lượt khách, gấp 5,1 lần so với năm trước, trong đó số lượt khách quốc tế ngủ qua đêm đạt 29,5 nghìn lượt khách, gấp 4,7 lần so với năm trước.

*Dịch vụ ăn uống:* Doanh thu dịch vụ ăn uống năm 2022 ước đạt 4.115,1 tỷ đồng, tăng 25,2% so với năm 2021.

*Du lịch lữ hành:* Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành năm 2022 ước đạt 351,2 tỷ đồng, gấp 5,0 lần so với năm 2021. Số lượt khách du lịch lữ hành năm 2022 đạt 541.022 lượt khách, gấp 5,1 lần so với năm trước, trong đó số lượt khách quốc tế đạt 26.130 lượt khách, gấp 6,4 lần so với cùng kỳ.

- ***Dịch vụ khác***

Cùng với sự phục hồi của ngành du lịch, nhu cầu tiêu dùng, vui chơi giải trí của người dân trong và ngoài tỉnh tăng cao, các nhóm ngành dịch vụ đều tăng trưởng mạnh. Doanh thu dịch vụ khác năm 2022 ước đạt 1.830,5 tỷ đồng, tăng 16,6% so với năm 2021.

***- Vận tải và viễn thông***

*Vận tải:* Hoạt động vận tải trong năm 2022 đã có sự tăng trưởng mạnh cả về vận tải hành khách và vận tải hàng hóa, đó là nhờ sự phục hồi mạnh mẽ của các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ, đặc biệt là sự khởi sắc của ngành du lịch sau dịch COVID-19. Mặt khác, ngành giao thông vận tải đã chỉ đạo triển khai hiệu quả các giải pháp giảm chi phí sản xuất kinh doanh để hỗ trợ doanh nghiệp vận tải trước tình hình giá nhiên liệu tăng cao.

Tổng doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải năm 2022 ước đạt 4.828,3 tỷ đồng, tăng 15,5% so với năm trước. Trong đó: Vận tải hành khách đạt 815,6 tỷ đồng, tăng 22,9%; vận tải hàng hóa đạt 3.675,9 tỷ đồng, tăng 15,0%.

Số lượng hành khách vận chuyển năm 2022 ước đạt 31,56 triệu hành khách, tăng 19,2%; số lượt hành khách luân chuyển ước đạt 1.428,77 triệu hành khách.km, tăng 18,0% so với năm trước. Khối lượng hàng hóa vận chuyển ước đạt 30,88 triệu tấn, tăng 10,3%; khối lượng hàng hóa luân chuyển ước đạt 2.148,8 triệu tấn.km, tăng 8,8% so với năm trước.

*Viễn thông:* Số thuê bao internet và doanh thu viễn thông đều tăng so với năm trước. Ước tính năm 2022, doanh thu hoạt động viễn thông đạt 1.023 tỷ đồng, tăng 0,5%; số thuê bao điện thoại di động đạt 856.622 thuê bao, tăng 8,3%; tỷ lệ thuê bao điện thoại di động khoảng 91 thuê bao/100 dân (năm 2021 là 87 thuê bao/100 dân); số thuê bao Internet đạt 150.283 thuê bao, tăng 13,1%; tỷ lệ thuê bao Internet khoảng 16,9 thuê bao/100 dân (năm 2021 là 15 thuê bao/100 dân).

**6. Về tài chính, tín dụng**

***- Tài chính***

Với việc triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các giải pháp tăng thu, tăng cường quản lý, chống thất thu thuế nên thu ngân sách vượt cao so với kế hoạch năm. Tổng thu NSNN năm 2022 ước thực hiện hơn 8.000 tỷ đồng, đạt 161% dự toán Trung ương giao, đạt 134% dự toán địa phương giao, tăng 14% so với cùng kỳ. Tổng thu NSNN năm 2022 đạt cao là nhờ thu tiền thuê đất, cấp quyền sử dụng đất và một số khoản thu khác tăng mạnh. Việc quản lý, điều hành chi ngân sách đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm theo đúng Luật NSNN, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của các ngành, địa phương, đơn vị và các nhiệm vụ đột xuất khác. Tổng chi NSNN trên địa bàn năm 2022 ước thực hiện hơn 15.115 tỷ đồng, bằng 114% dự toán Trung ương giao, bằng 107,7% dự toán địa phương giao, tăng 43,4% so với cùng kỳ.

***- Tín dụng***

Các tổ chức tín dụng tiếp tục triển khai thực hiện các chỉ đạo, chính sách của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước, trong đó tập trung triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19; khẩn trương triển khai hỗ trợ lãi suất 2%/năm trong 2 năm 2022 - 2023 thông qua hệ thống các ngân hàng thương mại; đồng thời tiếp tục huy động vốn, cho vay phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội. Tổng số vốn huy động của các tổ chức tín dụng đến 31/12/2022 ước đạt hơn 54.810 tỷ đồng, tăng 3,4% so với đầu năm. Tổng dư nợ cho vay đến 31/12/2022 ước đạt 78.140 tỷ đồng, tăng 13,0% so với đầu năm.

**7. Về đầu tư và xây dựng**

Thời gian qua, UBND tỉnh đã ban hành nhiều chính sách ưu đãi nhằm kêu gọi đầu tư; triển khai nhiều giải pháp hỗ trợ nhà đầu tư giúp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong hoạt động đầu tư, thực hiện dự án. Năm 2022, nhiều dự án/công trình lớn đang được triển khai thực hiện; các dự án phát triển khu nghỉ dưỡng, khu nhà ở thương mại, khu đô thị trên địa bàn tỉnh cũng đang tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thi công; hoạt động đầu tư xây dựng của khu vực hộ kinh doanh cá thể, hộ gia đình tiếp tục được đầu tư mở rộng góp phần tạo việc làm, kích cầu thị trường, tăng thu ngân sách, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Tuy nhiên, hoạt động đầu tư xây dựng còn một số khó khăn, hạn chế: Giá nguyên vật liệu tăng cao, nguồn cung ứng nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị và đặc biệt là giá xăng dầu liên tục tăng làm tăng chi phí của doanh nghiệp; công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng còn gặp nhiều khó khăn; quy trình triển khai dự án phải phối hợp nhiều cơ quan, đơn vị, qua nhiều bước làm kéo dài thời gian hoàn thành thủ tục đầu tư đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc triển khai cũng như tiến độ chung của dự án.

Năm 2022, vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh đạt 26.933,9 tỷ đồng, tăng 14,1% so với năm 2021. Trong đó: Vốn đầu tư thực hiện của khu vực nhà nước ước đạt 5.839,5 tỷ đồng, (chiếm 21,68% tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn), tăng 29,8%; vốn đầu tư thực hiện thuộc khu vực ngoài nhà nước ước đạt 20.970,3 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn (chiếm 77,86%), đồng thời cũng đạt mức tăng trưởng cao nhất trong 3 khu vực, tăng 47,9%; vốn đầu tư thực hiện thuộc khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 124,1 tỷ đồng (chiếm 0,46%), giảm 97,5%.

**8. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la Mỹ**

Năm 2022, UBND tỉnh đã chỉ đạo đẩy mạnh công tác quản lý, điều hành giá và triển khai nhiều giải pháp nhằm bình ổn giá các hàng hóa, dịch vụ thiết yếu; đặc biệt sau khi giá xăng, dầu giảm mạnh trong các kỳ điều hành vừa qua. Lực lượng quản lý thị trường tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý hành vi đầu cơ, găm hàng, tăng giá trái pháp luật, do đó, bình quân cả năm 2022, CPI của Quảng Bình thấp hơn so với CPI của cả nước.

CPI bình quân năm 2022 tăng 2,19% so với năm trước (trong đó: Nhóm hàng hóa tăng 2,80%; nhóm dịch vụ tăng 1,01%). Cụ thể biến động giá một số mặt hàng chủ yếu ảnh hưởng đến CPI như sau: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,26%; nhóm nhà ở và VLXD tăng 3,81%; nhóm giao thông tăng 8,77% so với năm trước.

Giá vàng và đô la Mỹ biến động theo thị trường trong nước. Bình quân năm 2022, giá vàng 99,99 tăng 1,55%, giá đô la Mỹ tăng 1,65% so với bình quân năm trước.

**9. Một số lĩnh vực xã hội**

***a) Về dân số, lao động và việc làm***

Ước tính dân số trung bình năm 2022 toàn tỉnh 913.862 người, tăng 0,35% so với năm 2021. Trong đó, dân số khu vực thành thị là 211.701 người, chiếm 23,17%; khu vực nông thôn 702.161 người, chiếm 76,83% dân số.

Năm 2022, chính sách thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 đã giúp cho thị trường lao động có nhiều khởi sắc. Lực lượng lao động, số người có việc làm và thu nhập bình quân của người lao động có tăng; số người thất nghiệp và thiếu việc làm trong độ tuổi lao động đã có chiều hướng giảm dần so với cùng kỳ năm trước.

Ước tính đến cuối năm 2022, toàn tỉnh đã giải quyết việc làm cho 21.000 lao động (đạt 116,7% kế hoạch năm), trong đó có khoảng 4.000 lao động được tuyển chọn đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng (đạt 108% kế hoạch năm), người lao động chủ yếu đến các thị trường như: Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc và một số nước châu Âu. Công tác hỗ trợ tư vấn chính sách pháp luật, việc làm, xuất khẩu lao động thực hiện đạt nhiều kết quả tích cực; Quảng Bình là 01 trong 17 địa phương đầu tiên giải ngân 100% hồ sơ đề nghị hỗ trợ tiền thuê nhà ở cho người lao động theo Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 với tổng mức kinh phí 615 triệu đồng.

***b) Về đời sống dân cư và bảo đảm an sinh xã hội***

Đời sống dân cư trong năm 2022 ổn định, phát triển trên mọi mặt. Trên địa bàn tỉnh, nhờ tỷ lệ bao phủ vắc xin phòng COVID-19 cao nên các hoạt động KT-XH trở lại bình thường; năm 2022 kinh tế phục hồi và phát triển mạnh mẽ trên hầu hết các ngành, lĩnh vực; an sinh xã hội, đời sống của Nhân dân được quan tâm; tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

Công tác an sinh xã hội luôn nhận được sự quan tâm, đầu tư của các cấp, các ngành, huy động được nhiều lực lượng xã hội tham gia đạt được kết quả tích cực; tỷ lệ hộ nghèo giảm dần, giảm 1,5% so với năm 2021 (tương ứng giảm 3.802 hộ) xuống còn 5,0% (tương ứng còn 12.855 hộ); giảm tỷ lệ hộ cận nghèo 0,62% (tương ứng giảm 1.483 hộ) xuống còn 4,76% (tương ứng còn 12.248 hộ).

***c) Về giáo dục, y tế, văn hóa và thể thao***

**- Giáo dục**

Năm học 2022 - 2023, quy mô trường, lớp của các bậc học tiếp tục được rà soát, sắp xếp hợp lý, phù hợp với điều kiện phát triển KT-XH của địa phương, đáp ứng nhu cầu người học. Đến nay,toàn tỉnh có 380 trường phổ thông, gồm 378 trường công lập và 02 trường tư thục. Trong đó, tiểu học 181 trường; trung học cơ sở 136 trường; phổ thông cơ sở (cấp 1,2) 31 trường; trung học phổ thông 26 trường; trung học (cấp 2,3) 06 trường. Lớp học có 5.709 lớp, trong đó, tiểu học 3.264 lớp; trung học cơ sở 1.641 lớp; trung học phổ thông 804 lớp. Phòng học có 5.343 phòng, trong đó, tiểu học 3.154 phòng; trung học cơ sở 1.435 phòng; trung học phổ thông 754 phòng.

Tổng số giáo viên năm học 2022 - 2023 là 9.089 người, trong đó, tiểu học 4.443 người; trung học cơ sở 2.921 người; trung học phổ thông 1.725 người. Tổng số học sinh là 184.531 em, trong đó, tiểu học 93.740 em; trung học cơ sở 58.101 em; trung học phổ thông 32.690 em. Số học sinh bình quân một giáo viên 20,3 em, trong đó, tiểu học 21,1 em; trung học cơ sở 19,1 em; trung học phổ thông 19 em. Số học sinh bình quân một lớp học 32,3 em, trong đó, tiểu học 28,7 em; trung học sơ sở 35,4 em; trung học phổ thông 40,7 em.

Kỳ thi THPT Quốc gia năm 2022: Toàn tỉnh có 96,96% thí sinh đỗ tốt nghiệp THPT, trong đó điểm trung bình của tất cả các môn là 6,225 (xếp thứ 38/63 tỉnh/thành phố, tăng 11 bậc so với năm 2021); có 74 thí sinh đạt điểm 10 (Lịch sử: 41, GDCD: 25, Địa lý: 04, Tiếng Anh: 03, Hoá học: 01).

Tính đến thời điểm 20/12/2022, toàn tỉnh có 259/563 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 46%. Trong đó: Mầm non đạt 43,2%; tiểu học đạt 50,3%; trung học cơ sở đạt 48,5%; trung học phổ thông đạt 25%.

***- Y tế***

Dịch bệnh: Tình hình dịch bệnh 11 tháng năm 2022, trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đã xảy ra 8.127 trường hợp sốt xuất huyết Dengue; 5.408 trường hợp cúm; 1.646 trường hợp tiêu chảy; 18 trường hợp viêm gan virut B; 1 trường hợp viêm gan virut C; 30 trường hợp viêm gan vi rút khác; 128 trường hợp thủy đậu; 16 trường hợp quai bị; 18 trường hợp lỵ trực trùng; 13 trường hợp lỵ amip; 6 trường hợp sốt rét; 60 trường hợp tay - chân - miệng; 2 trường hợp viêm não virut khác; 6 trường hợp bệnh do virut Adeno; 14 trường hợp lao phổi. Các trường hợp kể trên đều được phát hiện và điều trị kịp thời, ngoài ra có 3 trường hợp bệnh dại và 1 trường hợp sốt xuất huyết tử vong.

Hiện nay, dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh đang được kiểm soát tốt, ngành Y tế tiếp tục đẩy mạnh tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19, nhất là tiêm cho trẻ em từ 5 đến dưới 18 tuổi. Theo báo cáo của Trung tâm Chỉ huy phòng, chống dịch COVID-19 tỉnh, tính đến thời điểm 26/12/2022, toàn tỉnh có 2.022.485 liều vắc xin đã được tiêm, trong đó 672.266 người đã tiêm 2 mũi; 151.727 người đã tiêm mũi bổ sung; 396.647 người đã tiêm mũi nhắc lại 1 (mũi 3); 93.317 người đã tiêm mũi nhắc lại 2 (mũi 4); tổng số ca dương tính là 132.176 ca (trong đó 132.056 ca đã khỏi bệnh, 38 ca đang nhiễm và 82 ca tử vong).

Tình hình sốt rét*:* 11 tháng năm 2022, tổng số lượt người điều trị sốt rét là 775 lượt người, đã điều trị khỏi bệnh là 6 người, trong đó không có bệnh nhân sốt rét ác tính và không có bệnh nhân tử vong do sốt rét; tiến hành xét nghiệm lam và test cho 38.736 lượt người, tỷ lệ ký sinh trùng/lam và test là 0,02%.

Tình hình nhiễm HIV/AIDS:Tính đến ngày 30/11/2022, toàn tỉnh có 140 người nhiễm HIV; số bệnh nhân AIDS là 407 người; số bệnh nhân tử vong là 138 người.

Tình hình ngộ độc thực phẩm:11 tháng năm 2022, toàn tỉnh đã xảy ra 02 vụ ngộ độc thực phẩm với 34 ca mắc, trong đó: 1 vụ ở thành phố Đồng Hới với 12 ca mắc đều là khách du lịch; 1 vụ ở xã Quảng Hòa (Thị xã Ba Đồn) với 22 ca mắc, các bệnh nhân đã được điều trị kịp thời, ngoài ra còn có 167 ca ngộ độc thực phẩm nhỏ lẻ.

***- Văn hóa và thể thao***

Hoạt động văn hóa và thể thao năm của tỉnh năm 2022 đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Các chỉ tiêu văn hoá, thể thao đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Đời sống văn hóa sôi nổi từ các hoạt động chào mừng năm mới 2022, Tết Nguyên đán Nhâm Dần, đến các hoạt kỷ niệm các ngày lễ lớn của quê hương, đất nước.

Năm 2022, toàn tỉnh ước có khoảng 88,3% hộ gia đình được công nhận danh hiệu “Gia đình văn hoá” vượt 0,8% so với kế hoạch; 87,8% thôn, bản, tổ dân phố đạt chuẩn văn hoá vượt 1,8% so với kế hoạch; 81,8% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hoá, đạt kế hoạch. Tỷ lệ người tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt 34,7%, tỷ lệ gia đình thể thao đạt 27,8%, đạt kế hoạch năm.

Thể thao thành tích cao năm 2022 đạt được những thành tựu nổi bật, trong đó Sea Games 31, các vận động viên (VĐV) thể thao thành tích cao của tỉnh đã xuất sắc giành được 9 huy chương, trong đó có 8 huy chương vàng (HCV), 1 huy chương bạc (HCB), VĐV Nguyễn Huy Hoàng vinh dự là một trong bốn VĐV xuất sắc Sea Games 31. Lũy kế từ đầu năm đến nay, thể thao thành tích cao giành được 150 huy chương các loại (53 HCV, 48 HCB và 49 HCĐ).

***d) Về tai nạn giao thông***

Năm 2022, lực lượng công an phối hợp với các địa phương huy động lực lượng, phương tiện, triển khai đồng bộ các biện pháp công tác, tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm an toàn giao thông. Lũy kế 12 tháng năm 2022, toàn tỉnh đã xảy ra 117 vụ tai nạn giao thông, giảm 14 vụ so với cùng kỳ năm 2021, trong đó đường bộ 117 vụ, giảm 14 vụ so với cùng kỳ; đường sắt, đường thủy không xảy ra, bằng cùng kỳ. Số người chết do tai nạn giao thông 65 người, giảm 13 người so với cùng kỳ; trong đó đường bộ chết 65 người, giảm 13 người so với cùng kỳ; đường sắt, đường thủy không xảy ra, bằng cùng kỳ. Số người bị thương do tai nạn giao thông 95 người, giảm 11 người so với cùng kỳ, trong đó đường bộ bị thương 95 người, giảm 11 người so với cùng kỳ; đường sắt, đường thủy không xảy ra, bằng cùng kỳ năm 2021.

***đ) Về thiệt hại do thiên tai và phòng chống cháy nổ***

*- Thiên tai:* Năm 2022, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 4 vụ thiên tai, không có người chết mất tích; nhiều ngôi nhà, diện tích lúa, hoa màu bị hư hỏng; gia súc bị chết, cuốn trôi; ước tính tổng giá trị thiệt hại là 242.997 triệu đồng. Năm 2022 số vụ thiên tai giảm 8 vụ so với cùng kỳ năm trước, tuy nhiên, giá trị thiệt hại ước tính cao hơn so với cùng kỳ.

*- Cháy nổ:* Công tác phòng chống cháy nổ trong năm được chú trọng mạnh mẽ, công an tỉnh tích cực tuyên truyền, huấn luyện, kiểm tra, nâng cao ý thức phòng cháy, chữa cháy cho người dân. Năm 2022, toàn tỉnh đã xảy ra 13 vụ cháy với giá trị thiệt hại tạm ước tính 5.725 triệu đồng. So với cùng kỳ năm 2021, số vụ cháy giảm 1 vụ, giá trị thiệt hại tạm ước tăng 752,5 triệu đồng.

*Khái quát lại,* trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị thế giới biến động khó lường, không thuận lợi, nhưng KT-XH năm 2022 của tỉnh Quảng Bình đã đạt được kết quả tích cực ở hầu hết các ngành, lĩnh vực, dịch COVID-19 cơ bản được kiểm soát; tăng trưởng kinh tế đạt khá cao; sản xuất công nghiệp khởi sắc; du lịch phục hồi nhanh; thu ngân sách tăng cao; thu hút đầu tư đạt khá; an sinh xã hội, đời sống của Nhân dân được quan tâm và tiếp tục được cải thiện, an ninh trật tự được đảm bảo.Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế: Một số lĩnh vực phát triển chưa đáp ứng yêu cầu đề ra; giá nguyên, nhiên liệu, vật tư đầu vào tăng cao; suy giảm tăng trưởng kinh tế toàn cầu ảnh hưởng đến SXKD; số đơn hàng giảm mạnh, doanh nghiệp khó tiếp cận nguồn vốn trong bối cảnh lãi suất huy động tăng; việc tuyển dụng lao động còn gặp khó khăn; thị trường bất động sản trầm lắng, giao dịch sụt giảm, thanh khoản kém,...; thu ngân sách tăng cao nhưng vẫn chủ yếu từ tiền thuê và cấp quyền sử dụng đất; hạ tầng và năng lực phục vụ du lịch vẫn còn hạn chế; tiến độ triển khai và giải ngân vốn đầu tư công còn chậm; việc triển khai và cụ thể hóa các chương trình MTQG còn nhiều vướng mắc; công tác giải phóng mặt bằng còn nhiều vướng mắc, tồn đọng; tỷ lệ học nghề còn thấp; chuyển đổi số còn chậm; cải cách hành chính một số đơn vị, địa phương chưa hiệu quả; nhiều dự án của nhà đầu tư triển khai chậm; giá của hầu hết các mặt hàng tiêu dùng tăng cao ảnh hưởng đến đời sống của người dân,...

**III. GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI**

Năm 2023 có ý nghĩa quan trọng, là năm bản lề thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm giai đoạn 2021 - 2025, để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và giải quyết tốt các vấn đề xã hội, Cục Thống kê đề xuất một số giải pháp sau đây:

*Một là,* tiếp tục thực hiện nhất quán phương châm “Sống chung an toàn với dịch COVID-19”; đẩy mạnh triển khai các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số [755/CĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/the-thao-y-te/cong-dien-755-cd-ttg-2022-day-manh-bien-phap-phong-chong-covid19-527746.aspx) ngày 25/8/2022, nhất là đẩy mạnh tiêm vắc xin. Bảo đảm nguồn cung về thuốc, trang thiết bị, vật tư, sinh phẩm y tế phục vụ khám, chữa bệnh và phòng chống dịch.

*Hai là,* tiếp tục triển khai các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động, người dân bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19; tăng cường công tác tư vấn, giới thiệu việc làm và cung ứng lao động; thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, lao động, việc làm. Thực hiện tốt công tác trợ giúp đột xuất, bảo đảm người dân khi gặp rủi ro, thiên tai được hỗ trợ kịp thời, khắc phục khó khăn, ổn định cuộc sống. Nâng cao hiệu quả kết nối cung cầu lao động - việc làm, nâng cao chất lượng đào tạo nghề, cải thiện chất lượng nguồn nhân lực và tăng năng suất lao động nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của doanh nghiệp.

## *Ba là,* đẩy mạnh triển khai Chương trình hỗ trợ lãi suất 2% từ nguồn ngân sách Nhà nước thông qua hệ thống các ngân hàng thương mại đối với các khoản vay thương mại cho doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh có khả năng trả nợ, có khả năng phục hồi theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính phủ và các Chương trình cho vay chính sách xã hội đối với người nghèo, các đối tượng chính sách, các đối tượng bị ảnh hưởng do dịch COVID-19.

*Bốn là,* tiếp tục rà soát, cắt giảm các loại thuế, phí, lệ phí phù hợp. Tăng cường kỷ luật tài chính - ngân sách Nhà nước; tăng thu, tiết kiệm chi. Tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát thị trường, giá cả, nhất là đối với các mặt hàng thiết yếu cho sản xuất, đời sống như xăng, dầu,...

*Năm là,* tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án, công trình đầu tư công; đẩy nhanh tiến độ giải ngân đầu tư công đạt tỷ lệ cao nhất. Tích cực triển khai công tác giải phóng mặt bằng và các công tác phối hợp triển khai Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 đoạn qua tỉnh Quảng Bình đảm bảo kịp thời với tiến độ thực hiện chung của dự án. Đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm như Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch, Nhà máy sản xuất viên nén năng lượng, Cảng Quốc tế Hòn La,...

*Sáu là*, đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án Chuyển đổi số, chính quyền điện tử và đô thị thông minh. Nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của các ngành, các cấp; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quản lý nhà nước trên các lĩnh vực; thực hiện nghiêm quy chế làm việc, kỷ luật phát ngôn; công khai, minh bạch, tạo môi trường sản xuất kinh doanh bình đẳng. Ngăn chặn, triệt phá các thông tin xấu, sai sự thật gây hoang mang dư luận./.